TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-ST
Ngày: 29-5-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trần Văn Sáu**
2. Ông **Quách Trung Sơn**
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Cao Trần Khắc Huy** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị K** sinh năm: 1956
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H** sinh năm: 1967
Anh **Nguyễn Hoàng T** sinh năm: 1996
Chị **Nguyễn Ngọc H** sinh năm: 2000
Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Bà K có mặt, ông H, anh T, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày: Ngày 06 tháng 9 năm 2017 âm lịch bà có tổ chức dây hụi 2.000.000 đồng do bà làm chủ hụi, có 27 phần, bà Huỳnh Thị B tham gia 02 phần. Thỏa thuận khi tham gia góp hụi là hàng tháng mở hụi 01 lần, ai bỏ thăm cao người đó được lãnh hụi. Ngày 06 tháng 9 năm 2017 âm lịch bà B được lãnh hụi phần thứ nhất số tiền là 36.900.000 đồng, ngày 06 tháng 10 năm 2017 âm lịch bà B được lãnh hụi phần

thứ hai số tiền là 36.200.000 đồng. Cả 02 lần lãnh hụi bà B đều có làm giấy tờ cho bà. Sau đó, bà B có mượn của bà thêm 01 chỉ vàng 24k. Đến ngày 10 tháng 11 năm 2018 âm lịch, ông Nguyễn Văn H là chồng bà B có vay bà số tiền là 15.000.000 đồng, khi vay ông H có làm biên nhận nợ cho bà. Đến ngày 25 tháng 3 năm 2019 bà B chết, sau đó bà có đem giấy nợ của bà B đến nhà bà B thì gia đình bà B thừa nhận bà B còn nợ bà 02 dây hụi tổng cộng là 44.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k, ông H nợ bà 15.000.000 đồng và hứa sẽ trả dần hết số tiền này cho bà. Từ năm 2019 đến năm 2021 gia đình bà B đã trả cho bà 30.000.000 đồng tiền nợ hụi rồi ngưng trả cho đến nay. Nay bà xác định bà B còn nợ bà 14.000.000 đồng tiền nợ hụi và 01 chỉ vàng 24k, ông H còn nợ bà 15.000.000 đồng tiền vay; bà yêu cầu ông H, anh T và chị H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà B trả bà 14.000.000 đồng tiền nợ hụi và 01 chỉ vàng 24k; yêu cầu ông H trả bà 15.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi theo quy định của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 âm lịch đến ngày xét xử.

Ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông H, anh T, chị H không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại phiên tòa bà Kén rút yêu cầu ông H, anh T, chị H trả 01 chỉ vàng 24k; chỉ yêu cầu ông H, anh T, chị H trả bà 14.000.000 đồng tiền nợ hụi; yêu cầu ông H trả bà 15.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi theo quy định của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 âm lịch đến ngày xét xử. Ông H, anh T, chị H vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H, anh T, chị H là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K khởi kiện ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" ông H, anh T, chị H ở ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị K yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả bà 15.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi theo quy định của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 âm lịch đến ngày xét xử; yêu cầu ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H là những người thuộc hàng thừa thứ nhất của bà Huỳnh Thị B trả bà 14.000.000 đồng tiền nợ hụi do bà Huỳnh Thị B nợ nên xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo quy định tại Điều 463 và 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Giữa bà Nguyễn Thị K và bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn H thực tế có xảy ra quan hệ vay tài sản và góp hụi với nhau được thể hiện qua giấy nhận nợ, giấy giao kèo chơi hụi và giấy nợ hụi do bà K cung cấp. Xét thấy, giấy nhận nợ ngày 10 tháng 11 năm 2018 có chữ ký tên của ông Nguyễn Văn H có thể hiện nội dung ông H mượn bà K 15.000.000 đồng; giấy giao kèo chơi hụi thể hiện danh sách hụi viên trong đó bà B tham gia 02 phần với tên là Hai H (con bà B) ở phần thứ 4 và H (con bà B) ở phần thứ 24 và những nội dung khác về hợp đồng góp hụi; giấy nợ hụi có chữ ký tên của bà Huỳnh Thị B có thể hiện nội dung bà B lãnh hụi phần thứ nhất vào ngày 06 tháng 9 năm 2017 với số tiền là 36.900.000 đồng và lãnh hụi phần thứ hai vào ngày 06 tháng 10 năm 2017 với số tiền là 36.200.000 đồng và cam kết sẽ đóng lại hụi chết mỗi tháng 2.000.000 đồng cho tới mãn hụi. Đến ngày 25 tháng 3 năm 2019 bà B chết nên bà K có đến gia đình bà B tổng kết nợ thì ông H, anh T và chị H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà B thừa nhận bà B còn thiếu bà K 02 phần hụi chết với số tiền là 44.000.000 đồng; sau đó ông H, anh T, chị H đã trả được 30.000.000 đồng, việc này được bà K thừa nhận là có lợi cho ông H, anh T, chị H. Nay bà K xác định bà B còn nợ tiền hụi bà 02 phần tổng cộng là 14.000.000 đồng, ông H còn nợ tiền vay bà số tiền là 15.000.000 đồng. Do bà B đã chết nên bà yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà B là ông H, anh T và chị H trả bà 14.000.000 đồng tiền nợ hụi, yêu cầu ông H trả bà 15.000.000 đồng tiền vay và và tiền lãi theo quy định của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 âm lịch đến ngày xét xử. Ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông H, anh T, chị H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà K xem như ông H, anh T, chị H biết bà B có tham gia góp hụi với bà K còn nợ lại 02 phần hụi chết số tiền là 14.000.000 đồng và ông H biết mình có vay và còn nợ bà K số tiền 15.000.000 đồng đến nay chưa trả. Xét các chứng cứ mà bà K cung cấp phù hợp với lời trình bày của bà K. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H trả bà Nguyễn Thị K số tiền nợ hụi là 14.000.000 đồng; buộc ông H trả bà K số tiền vay còn nợ là 15.000.000 đồng là phù hợp Điều 463 và 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Bà Nguyễn Thị K yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lãi của số tiền 15.000.000 đồng theo quy định từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 âm lịch đến ngày xét xử, ông H vắng mặt nên không có ý kiến về yêu cầu này của bà K. Xét thấy, ông H đã nhận được quyền của mình là nhận tiền vay đầy đủ từ bà K nhưng lại vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên phải trả lãi theo yêu cầu bà K là phù hợp Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Như vậy, lãi suất của số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 10 tháng 11 năm 2018 âm lịch đến ngày xét xử (ngày 29 tháng 5 năm 2023) là 53 tháng 13 ngày, số tiền là 6.652.450 đồng (sáu triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

[5] Tổng cộng tiền vốn và lãi ông H phải trả cho bà K 01 lần là 21.652.450 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

[6] Về án phí: ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà K được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39; Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

1.1 Buộc ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị K số tiền nợ hụi là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng), trả 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị K số tiền vay còn nợ vốn lãi tổng cộng là 21.652.450 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng), trả 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3 Kể từ ngày bà Nguyễn Thị K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H chậm thi hành đối với số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

1.4 Kể từ ngày bà Nguyễn Thị K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Văn H chậm thi hành đối với số tiền 21.652.450 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng) thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H trả 01 chỉ vàng 24k mà bà Nguyễn Thị K đã rút.

3. Về án phí:

3.1 Ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng).

3.2 Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.082.000 đồng (một triệu không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

3.3 Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà K 990.000 đồng (chín trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010936 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm; ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng T, chị Nguyễn Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ